

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: .../2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023

*V/v: “Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Dương Hải Long
+ Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Bích Hợp – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: [30/2023/QĐXXST](#) - HNGĐ ngày [31](#) tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu Tr**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 71A/37 đường 3 tháng 2, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Trần Mạnh H**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 30/2 đường K, Phường J, thành phố Đ, tỉnh L.

(Bà T có mặt; Ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Chị và anh Trần Mạnh H đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2017 tại UBND phường 10, thành phố Đà Lạt, hôn nhân là tự nguyện và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chị Tr tại địa chỉ số 104/5E Ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2019 chuyển về Đà Lạt sống cùng bố mẹ chồng tại số nhà 30/2 đường Khe Sanh, phường 10, thành phố Đà Lạt. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và anh H có bỏ nhà đi 02 lần được 2 – 3 ngày thì quay về. Để đảm bảo hạnh phúc gia đình theo khuyến nhủ của bố mẹ chồng thì vợ chồng tôi đã chuyển về

thành phố Đà Lạt sống cùng bố mẹ chồng nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, do anh H viện lý do đi làm không có trách nhiệm với gia đình trong cuộc sống hàng ngày lẫn vấn đề về kinh tế gia đình, thu nhập kiếm được anh H tiêu pha cho bản thân, tụ tập bạn bè ăn chơi không lo cho gia đình. Bố mẹ chồng tôi cũng có khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019. Tháng 11/2020, vợ chồng quay về sống cùng nhau. Đến khi tôi mang thai bé thứ 3 vào tháng 3/2021 thì anh H lại quay về với bản chất ban đầu, anh H đi từ sáng sớm đến đêm khuya mới về, có về thì về nhà tắm rửa thay đồ rồi lại đi, mọi sinh hoạt phí trong gia đình đều do tôi chi trả. Từ tháng 4/2021 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, mỗi tháng anh H có về thăm con một lần, có đưa 3.000.000^d phụ tiền sinh hoạt phí cho con, ngoài ra thì vợ chồng cũng không có nói chuyện với nhau. Hiện tại, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Mạnh H. Về con chung: Vợ chồng tôi 03 con chung tên Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021. Hiện tại các con đang ở cùng tôi tại số 71A/37 đường 3 tháng 2, Phường 4, thành phố Đà Lạt. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi thành niên, tôi yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000^d/tháng/03 con chung. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ghi ngày 15/3/2023, bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày: Anh và chị Tr trải qua quá trình tìm hiểu thương yêu nhau mới quyết định kết hôn, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, thành phố Đà Lạt. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại số 104/5E Ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 9/2018 thì chuyển về chung sống với bố mẹ anh tại số 30/2 đường Khe Sanh, phường 10, thành phố Đà Lạt. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau và sống ly thân nhiều lần. Hiện nay, anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cả anh và chị Tr đều không muốn tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như vậy nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị Tr được ly hôn. Về con chung: ông Hùng xác định vợ chồng 03 con chung tên Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021. Hiện tại các con đang ở cùng chị Tr tại số 71A/37 đường 3 tháng 2, Phường 4, thành phố Đà Lạt. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 03 con

chung cho chị Tr nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh H sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000đ/tháng/03 con chung, mỗi con là 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đồng thời do điều kiện công việc, anh H không thể có mặt theo yêu cầu của Toà án nên anh đề nghị Toà án cho anh được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc giải quyết việc ly hôn giữa anh với bà Trang.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh H. Đối với con chung của vợ chồng là các cháu Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/202, chị Tr có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000đ/tháng/03 con chung, mỗi con là 1.000.000đ/tháng.

Bị đơn anh Trần Mạnh H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Tr đối với anh Trần Mạnh H. Đồng thời, giao cả 03 con chung là Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Trần Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/03 con chung, mỗi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có mặt; Bị đơn anh Trần Mạnh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[2] Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Mạnh H, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 30/2 đường K, Phường J, thành phố Đ, tỉnh L. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, vụ việc thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Tr thì thấy:

Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trần Mạnh H trải qua quá trình tìm hiểu, thương yêu nhau và tự nguyện quyết định tiến đến hôn nhân, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Đà Lạt vào ngày 13/3/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị Tr và anh H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr và anh H trong thời gian chung sống: Qua xác minh tại địa phương theo biên bản xác minh ngày 31/3/2023 thể hiện thì: Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đà Lạt không biết và cũng không nắm được giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trần Mạnh H có mâu thuẫn gì không do vợ chồng không báo gì với chính quyền địa phương.

Mặt khác, qua đối chiếu lời khai của chị Tr tại phiên tòa và trình bày của anh H (*tại đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 15/3/2023*) thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại số 104/5E Ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2019 chuyển về thành phố Đà Lạt sống cùng bố mẹ của anh H tại số 30/2 đường Khe Sanh, phường 10, thành phố Đà Lạt. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và sống ly thân nhiều lần. Hiện tại, chị Tr và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Tr đối với anh Trần Mạnh H được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu Tr, anh Trần Mạnh H có 03 con chung gồm: Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021. Hiện tại, cả 03 con chung đều đang sống cùng chị Tr.

Khi ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được giao trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh Trần Mạnh H cấp dưỡng nuôi 03 con với số tiền 3.000.000đ/tháng, mỗi con là 1.000.000đ/tháng.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 15/3/2023, anh H cũng đồng ý giao cả 03 con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh H sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000đ/tháng/03 con, mỗi con là 1.000.000đ/tháng.

Như vậy, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của vợ chồng chị Tr và anh H cùng thống nhất phương án giải quyết nên cần ghi nhận ý kiến của vợ chồng, giao 03 con chung là Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Mạnh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thành niên với số tiền là 3.000.000^d/tháng/03 con chung, mỗi con là 1.000.000^d/tháng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Trần Mạnh H phải chịu 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr về việc “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”.

Chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Trần Mạnh H.

2- Về con chung:

Giao các con chung tên Trần Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 12/5/2017; Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày: 25/9/2018 và Trần Nguyễn Bảo V, sinh ngày: 30/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Ông Trần Mạnh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật với số tiền cấp dưỡng 3.000.000^d/tháng/03 con, mỗi con là 1.000.000^d/tháng (*Một triệu đồng/tháng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

2- Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Trang nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011400 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

- Anh Trần Mạnh H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn anh Trần Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND Phường 10, Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV-HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Bình

